

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành quy chế quản lý, sử dụng chứng thư số, chữ ký số và dịch vụ chứng thực chữ ký số chuyên dùng Chính phủ trong cơ quan Nhà nước trên địa bàn tỉnh Kiên Giang

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Giao dịch điện tử ngày 29 tháng 11 năm 2005;

Căn cứ Luật Công nghệ thông tin ngày 29 tháng 6 năm 2006;

Căn cứ Nghị định số 130/2018/NĐ-CP ngày 27 tháng 9 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Giao dịch điện tử về chữ ký số và dịch vụ chứng thực chữ ký số;

Căn cứ Nghị định số 30/2020/NĐ-CP ngày 05 tháng 3 năm 2020 của Chính phủ về công tác văn thư;

Căn cứ Quyết định số 28/2018/QĐ-TTg ngày 12 tháng 12 năm 2018 của Chính phủ về việc gửi, nhận văn bản điện tử giữa các cơ quan trong hệ thống hành chính nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 41/2017/TT-BTTTT ngày 19 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông về việc quy định việc sử dụng chữ ký số cho văn bản điện tử trong các cơ quan nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 185/2019/TT-BQP ngày 04 tháng 12 năm 2019 của Bộ Trưởng Bộ Quốc phòng về hướng dẫn việc cung cấp, quản lý, sử dụng dịch vụ chứng thực chữ ký số chuyên dùng Chính phủ;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông tại Tờ trình số 127/TTr-STTTT ngày 08 tháng 12 năm 2021.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này là Quy chế quản lý, sử dụng chứng thư số, chữ ký số và dịch vụ chứng thực chữ ký số chuyên dùng Chính phủ trong cơ quan Nhà nước trên địa bàn tỉnh Kiên Giang.



Điều 2. Sở Thông tin và Truyền thông chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan hướng dẫn, triển khai thực hiện Quy chế này.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc (Thủ trưởng) các sở, ban, ngành tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 1007/QĐ-UBND ngày 29 tháng 4 năm 2016 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ủy quyền người quản lý thuê bao sử dụng dịch vụ chứng thực chữ ký số chuyên dùng phục vụ các cơ quan nhà nước tỉnh Kiên Giang và Quyết định số 1010/QĐ-UBND ngày 04 tháng 5 năm 2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành Quy chế quản lý, sử dụng chứng thư số và chữ ký số trong các cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh Kiên Giang./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3 của QĐ;
- Bộ Thông tin và Truyền thông;
- Bộ Quốc phòng (Ban Cơ yếu Chính phủ);
- TT. TU; TT. HĐND tỉnh;
- CT và các PCT UBND tỉnh;
- LĐVP, CVNC;
- Lưu: VT, Ittram (01b).

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Lưu Trung



QUY CHẾ

Quản lý sử dụng chứng thư số, chữ ký số và dịch vụ chứng thực chữ ký số chuyên dùng Chính phủ trong cơ quan Nhà nước trên địa bàn tỉnh Kiên Giang
(Ban hành kèm theo Quyết định số: 177 /QĐ-UBND ngày 12 tháng 01 năm 2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang)

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quy chế này quy định việc quản lý, sử dụng chứng thư số, chữ ký số và dịch vụ chứng thực chữ ký số chuyên dùng Chính phủ trong cơ quan Nhà nước trên địa bàn tỉnh Kiên Giang.

2. Quy chế này không quy định việc sử dụng chứng thư số, chữ ký số và dịch vụ chứng thực chữ ký số cho các văn bản điện tử, thông điệp dữ liệu chứa thông tin thuộc danh mục bí mật Nhà nước.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quy chế này áp dụng đối với các cá nhân, cơ quan, tổ chức và đơn vị sự nghiệp thuộc cơ quan Nhà nước được cấp chứng thư số, chữ ký số và sử dụng dịch vụ chứng thực chữ ký số chuyên dùng Chính phủ.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Quy chế này, các từ ngữ được hiểu như sau:

1. *Khóa bí mật* là một khóa trong cặp khóa thuộc hệ thống mật mã không đối xứng, được dùng để tạo chữ ký số.

2. *Khóa công khai* là một khóa trong cặp khóa thuộc hệ thống mật mã không đối xứng, được sử dụng để kiểm tra chữ ký số được tạo bởi khóa bí mật tương ứng trong cặp khóa.

3. *Thông điệp dữ liệu* là thông tin được tạo ra, được gửi đi, được nhận và được lưu trữ bằng phương tiện điện tử.

4. *Văn bản điện tử* là văn bản dưới dạng thông điệp dữ liệu được tạo lập hoặc được số hóa từ văn bản giấy và trình bày đúng thể thức, kỹ thuật, định dạng theo quy định.



5. *Ký số* là việc đưa khóa bí mật vào một chương trình phần mềm để tự động tạo và gắn chữ ký số vào thông điệp dữ liệu.

6. *Chữ ký số* là một dạng chữ ký điện tử được tạo ra bằng sự biến đổi một thông điệp dữ liệu sử dụng hệ thống mật mã không đối xứng, theo đó, người có được thông điệp dữ liệu ban đầu và khóa công khai của người ký có thể xác định được chính xác:

- a) Việc biến đổi nêu trên được tạo ra bằng đúng khóa bí mật tương ứng với khóa công khai trong cùng một cặp khóa;
- b) Sự toàn vẹn nội dung của thông điệp dữ liệu kể từ khi thực hiện việc biến đổi nêu trên.

7. *Chứng thư số* là một dạng chứng thư điện tử do tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số cấp nhằm cung cấp thông tin định danh cho khóa công khai của một cơ quan, tổ chức, cá nhân, từ đó xác nhận cơ quan, tổ chức, cá nhân là người ký chữ ký số bằng việc sử dụng khóa bí mật tương ứng.

8. *Thuê bao* là cơ quan, tổ chức, cá nhân được cấp chứng thư số, chấp nhận chứng thư số và giữ khóa bí mật tương ứng với khóa công khai ghi trên chứng thư số được cấp đó.

9. *Thiết bị lưu khóa bí mật* là thiết bị vật lý chứa chứng thư số và khóa bí mật của thuê bao.

10. *Người ký* là thuê bao dùng khóa bí mật của mình để ký số vào một thông điệp dữ liệu dưới tên của mình.

Chương II

TỔ CHỨC, QUẢN LÝ, SỬ DỤNG CHỨNG THƯ SỐ, CHỮ KÝ SỐ VÀ DỊCH VỤ CHỨNG THỰC CHỮ KÝ SỐ CHUYÊN DÙNG

Điều 4. Thẩm quyền quản lý thuê bao chữ ký số chuyên dùng Chính phủ

Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ủy quyền cho Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông thực hiện các trách nhiệm được quy định tại Điều 12, Chương III của Thông tư số 185/2019/TT-BQP ngày 04 tháng 12 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng về hướng dẫn việc cung cấp, quản lý dịch vụ chứng thực chữ ký số chuyên dùng Chính phủ (sau đây được viết tắt là Thông tư số 185/2019/TT-BQP).

Điều 5. Cơ quan, tổ chức quản lý trực tiếp

1. Cơ quan quản lý trực tiếp thuê bao chứng thư số trong tỉnh là các cơ quan, tổ chức có tư cách pháp nhân, có con dấu riêng thuộc các cơ quan, tổ chức Nhà nước trong tỉnh trực tiếp quản lý các thuê bao sử dụng chứng thư số, chữ ký số và dịch vụ chứng thực chữ ký số chuyên dùng Chính phủ.

4. Các cơ quan, tổ chức thuộc cơ quan Trung ương được tổ chức theo ngành dọc đặt trên địa bàn tỉnh (nếu có yêu cầu);

5. Các cá nhân là cán bộ, công chức, viên chức, người được cấp, quản lý, sử dụng dịch vụ chứng thực chữ ký số chuyên dùng Chính phủ đang làm việc trong các cơ quan, tổ chức, đơn vị sự nghiệp Nhà nước được quy định tại khoản 1, khoản 2, khoản 3 Điều này.

Điều 8. Điều kiện cấp mới chứng thư số, chữ ký số

Điều kiện cấp mới chứng thư số cho cá nhân, cơ quan, tổ chức Nhà nước trong tỉnh phải phù hợp với các điều kiện quy định tại Điều 60 của Nghị định số 130/2018/NĐ-CP ngày 27 tháng 9 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Giao dịch điện tử về chữ ký số và dịch vụ chứng thực chữ ký số.

Điều 9. Hướng dẫn đăng ký cấp mới, gia hạn, thay đổi nội dung thông tin, thu hồi chứng thư số, thiết bị, dịch vụ, phần mềm, thu hồi thiết bị lưu khóa bí mật, khôi phục thiết bị lưu khóa bí mật

1. Việc đăng ký cấp mới chứng thư số cho cá nhân, cơ quan, tổ chức, thiết bị, dịch vụ, phần mềm

a) Cấp mới chứng thư số cho cá nhân: Cá nhân có văn bản đề nghị cấp mới chứng thư số theo Mẫu số 01 gửi cơ quan, tổ chức quản lý trực tiếp. Cơ quan, tổ chức quản lý trực tiếp tổng hợp và gửi văn bản đề nghị cấp mới chứng thư số theo Mẫu số 02 đến Sở Thông tin và Truyền thông (Mẫu số 01, 02 tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 185/2019/TT-BQP).

b) Cấp mới chứng thư số cho cơ quan, tổ chức

Người có thẩm quyền của cơ quan, tổ chức có văn bản đề nghị cấp mới chứng thư số theo Mẫu số 03 gửi cơ quan, tổ chức quản lý trực tiếp. Cơ quan, tổ chức quản lý trực tiếp tổng hợp và gửi văn bản đề nghị cấp mới chứng thư số theo Mẫu số 04 đến Sở Thông tin và Truyền thông (Mẫu số 03, 04 tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 185/2019/TT-BQP).

c) Cấp mới chứng thư số cho thiết bị, dịch vụ, phần mềm

Người có thẩm quyền của cơ quan, tổ chức có văn bản đề nghị cấp mới chứng thư số theo Mẫu số 05 gửi cơ quan, tổ chức quản lý trực tiếp. Cơ quan, tổ chức quản lý trực tiếp tổng hợp và gửi văn bản đề nghị cấp mới chứng thư số theo Mẫu số 06 đến Sở Thông tin và Truyền thông (Mẫu số 05, 06 tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 185/2019/TT-BQP).

2. Gia hạn, thay đổi nội dung thông tin chứng thư số

Thuê bao có văn bản đề nghị gia hạn, thay đổi nội dung thông tin chứng thư số theo Mẫu số 07 gửi cơ quan, tổ chức quản lý trực tiếp. Cơ quan, tổ chức quản lý trực tiếp tổng hợp và gửi văn bản đề nghị cấp mới chứng thư số theo Mẫu số 08 đến Sở

Thông tin và Truyền thông (Mẫu số 07, 08 tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 185/2019/TT-BQP).

3) Thu hồi chứng thư số, thu hồi thiết bị lưu khóa bí mật

a) Thu hồi chứng thư số: Thuê bao có văn bản đề nghị thu hồi chứng thư số theo Mẫu số 09 gửi cơ quan, tổ chức quản lý trực tiếp. Cơ quan, tổ chức quản lý trực tiếp tổng hợp và gửi văn bản đề nghị cấp mới chứng thư số theo Mẫu số 10 đến Sở Thông tin và Truyền thông (Mẫu số 09, 10 tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 185/2019/TT-BQP).

b) Thu hồi thiết bị lưu khóa bí mật: Cơ quan, tổ chức quản lý trực tiếp có trách nhiệm thu hồi thiết bị lưu khóa bí mật của chứng thư số hết hạn sử dụng hoặc chứng thư số bị thu hồi để bàn giao cho Sở Thông tin và Truyền thông. Biên bản giao, nhận thiết bị lưu khóa bí mật sau khi chứng thư số hết hạn sử dụng hoặc chứng thư số bị thu hồi theo Mẫu số 14 tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 185/2019/TT-BQP;

c) Trong trường hợp thiết bị lưu khóa bí mật bị thất lạc, cơ quan, tổ chức quản lý trực tiếp phải lập biên bản xác nhận theo Mẫu số 15 tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 185/2019/TT-BQP gửi ngay về Sở Thông tin và Truyền thông.

4. Khôi phục thiết bị lưu khóa bí mật

Thuê bao có văn bản đề nghị khôi phục thiết bị lưu khóa bí mật theo Mẫu số 11 gửi cơ quan, tổ chức quản lý trực tiếp. Cơ quan, tổ chức quản lý trực tiếp tổng hợp và gửi văn bản đề nghị khôi phục thiết bị lưu khóa bí mật theo Mẫu số 12 đến Sở Thông tin và Truyền thông (Mẫu số 12 tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 185/2019/TT-BQP).

Điều 10. Kiểm tra hiệu lực chứng thư số, chữ ký số

Thực hiện kiểm tra hiệu lực chứng thư số theo quy định tại Điều 7, Điều 8 của Thông tư số 41/2017/TT-BTTTT ngày 19 tháng 12 năm 2017 của Bộ Thông tin và Truyền thông về việc quy định sử dụng chữ ký số cho văn bản điện tử trong các cơ quan Nhà nước.

Chương III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 11. Sở Thông tin và Truyền thông

1. Thực hiện nhiệm vụ quy định tại Điều 4 của Quy chế này và các quy định có liên quan đến công tác quản lý, sử dụng chứng thư số, chữ ký số và dịch vụ chứng thực chữ ký số chuyên dùng Chính phủ trong các cơ quan Nhà nước trên địa bàn tỉnh.

2. Chủ trì, phối hợp với sở, ngành xây dựng kế hoạch, triển khai chương trình đào tạo, bồi dưỡng về ứng dụng chứng thư số, chữ ký số thực hiện các loại hình giao dịch

điện tử (văn bản điện tử, kho bạc, bảo hiểm xã hội,...) trong cơ quan Nhà nước trên địa bàn tỉnh.

3. Tăng cường công tác phổ biến, tuyên truyền các chủ trương, quy định của Nhà nước về ứng dụng chữ ký số đến đội ngũ cán bộ công chức, viên chức.

4. Thống kê, theo dõi việc sử dụng chứng thư số, chữ ký số của các cơ quan, tổ chức trên địa bàn tỉnh theo định kỳ 06 tháng, hàng năm hoặc đột xuất.

5. Tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh về tình hình quản lý, sử dụng chứng thư số, chữ ký số chuyên dùng Chính phủ của các sở, ban, ngành, địa phương, đồng thời lồng ghép vào nội dung báo cáo kết quả ứng dụng công nghệ thông tin xây dựng chính quyền điện tử của các cơ quan Nhà nước trên địa bàn tỉnh.

Điều 12. Trách nhiệm của cơ quan, tổ chức quản lý trực tiếp

1. Thực hiện các trách nhiệm của cơ quan, tổ chức quản lý trực tiếp được quy định tại Điều 15 của Thông tư số 185/2019/TT-BQP.

2. Tổ chức triển khai sử dụng có hiệu quả chứng thư số, chữ ký số của các cá nhân, cơ quan, tổ chức trong các cơ quan, tổ chức thuộc thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

3. Thường xuyên kiểm tra việc quản lý và sử dụng chứng thư số, chữ ký số của cơ quan, đơn vị quản lý, đảm bảo thực hiện đúng theo quy định của Quy chế này và các quy định của pháp luật có liên quan.

4. Định kỳ, đột xuất theo yêu cầu, báo cáo kết quả sử dụng chứng thư số, chữ ký số chuyên dùng Chính phủ của cơ quan, tổ chức quản lý về Sở Thông tin và Truyền thông để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh, Ban Cơ yếu Chính phủ, Bộ Thông tin và Truyền thông.

5. Cử cán bộ, công chức, viên chức tham gia các chương trình đào tạo, tập huấn hướng dẫn sử dụng chữ ký số chuyên dùng Chính phủ do cơ quan cấp trên hoặc Sở Thông tin và Truyền thông tổ chức.

6. Có trách nhiệm thu hồi và bàn giao chứng thư số của cá nhân, tổ chức theo các trường hợp quy định tại Điều 69, Điều 71 của Nghị định số 130/2018/NĐ-CP ngày 27 tháng 9 năm 2018 của Chính phủ.

Điều 13. Trách nhiệm của thuê bao (chứng thư số của cơ quan, tổ chức và cá nhân)

1. Thực hiện các trách nhiệm của cơ quan, tổ chức quản lý trực tiếp được quy định tại Điều 17 của Thông tư số 185/2019/TT-BQP.

2. Đối với thuê bao là cá nhân có trách nhiệm quản lý thiết bị lưu khóa bí mật của mình, tuyệt đối không đưa và cung cấp thiết bị lưu khóa bí mật cho người khác.



3. Thiết bị lưu khóa bí mật của cơ quan, tổ chức bàn giao cho người khác khi được phép bằng văn bản của người có thẩm quyền. Việc bàn giao thiết bị lưu khóa bí mật của cơ quan, tổ chức phải được lập biên bản.

4. Lưu trữ quản lý thiết bị lưu khóa bí mật và sử dụng khóa bí mật phải bảo đảm an toàn, an ninh thông tin trong suốt thời gian chứng thư số của mình có hiệu lực hoặc bị tạm dừng. Trong trường hợp thất lạc thiết bị lưu khóa bí mật hoặc nghi ngờ khóa bí mật bị thay đổi phải báo ngay cho cơ quan quản lý trực tiếp để thực hiện các thủ tục thu hồi hoặc khôi phục lại khóa bí mật.

5. Không được dùng các công cụ, chương trình phần mềm hay bất cứ hình thức nào tác động làm thay đổi dữ liệu khi chưa có sự đồng ý của cơ quan, tổ chức cung cấp dịch vụ chữ ký số chuyên dùng Chính phủ hoặc làm hư hỏng thiết bị lưu khóa bí mật.

6. Tham gia các chương trình đào tạo, tập huấn liên quan đến việc quản lý và sử dụng chứng thư số, chữ ký số chuyên dùng Chính phủ trong các cơ quan Nhà nước và Sở Thông tin và Truyền thông tổ chức.

Điều 14. Điều khoản thi hành

1. Giao Sở Thông tin và Truyền thông có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với các cơ quan, tổ chức có liên quan hướng dẫn, triển khai và kiểm tra việc thực hiện Quy chế này.

2. Trong quá trình thực hiện, nếu có phát sinh khó khăn, vướng mắc cần sự đổi, bổ sung; các cơ quan, tổ chức báo cáo về Sở Thông tin và Truyền thông để tổng hợp và trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định./.

